TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2021
V/v Ly hôn giữa chị D và anh S.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơm
2. Ông Trần Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Thái Thị D, sinh năm 1994; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

2. *Bị đơn*: Anh Trần Thanh S, sinh năm 1986; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Thái Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, do quen biết, tìm hiểu, chị Thái Thị D và anh Trần Thanh S tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh S không lo làm ăn, chỉ biết ăn nhậu, chơi cờ bạc và nhiều lần đánh chị. Từ đó, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2020 cho đến nay. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 17/01/2013 và cháu Trần Thị Kim C, sinh ngày 27/11/2016. Chị D yêu cầu được giành quyền nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thanh S trình bày:

Anh S thống nhất lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị D, anh S không đồng ý ly hôn, do còn thương chị D. Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn, anh S có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh S đồng ý giao 02 cháu cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thái Thị D và anh Trần Thanh S.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 17/01/2013 và cháu Trần Thị Kim C, sinh ngày 27/11/2016 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị D và anh S xác định không có.

Về nghĩa vụ chung: Chị D và anh S xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị D và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, có cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẩn là do anh S không lo làm ăn, chỉ biết ăn nhậu, chơi cờ bạc và nhiều lần đánh chị D dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị D đã nộp đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả.

Tại phiên tòa, chị D cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh S. Anh S không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục được chị D để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 24/12/2020 xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn là do anh S thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện cự cải với chị D nên chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa Chị D và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị D xin ly hôn với anh S là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung: Cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 17/01/2013 và cháu Trần Thị Kim C, sinh ngày 27/11/2016. Tại phiên tòa, anh S đồng ý giao 02 cháu cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

[2.3] *Tài sản chung:* Chị D và anh S xác định không có.

[2.4] *Nghĩa vụ chung:* Chị D và anh S xác định không có.

[3] *Án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị D phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thái Thị D và anh Trần Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Minh T, sinh ngày 17/01/2013 và cháu Trần Thị Kim C, sinh ngày 27/11/2016 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho anh S, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh S.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

3. *Về chia tài sản chung*: Chị D và anh S xác định không có.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Chị D và anh S xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Thái Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013436 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Công nhận chị D đã nộp xong.

6. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn*.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Hưng;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng